TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH THỪA THIÊN H2	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 25 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH H2

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Nguyễn Xuân V,** sinh năm: 1981; địa chỉ: 239 Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố H, tỉnh H2

2. **Chị Trương Thị Thanh N**, sinh năm: 1983; địa chỉ: 239 Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố H, tỉnh H2

3. **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N**: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh. Địa chỉ: 131/2 Bà Triệu, phường X, thành phố H, tỉnh H2

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân V và chị Trương Thị Thanh N đã thật sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân V và chị Trương Thị Thanh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh V và chị N thoả thuận giao 01 con chung là Nguyễn Xuân Thảo Miên, sinh ngày: 07/02/2010 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh V không phải phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh V và chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh V và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh V và chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 009666 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh H2;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP H (ĐKKH số 66, ngày 07/10/2009);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền